

Số: **382/2020/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn Mạnh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn Mạnh Đ cùng xác định có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1993 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1998. Hiện nay cả 02 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, nên chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn Mạnh Đ cùng xác định tự thỏa thuận chia cho nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn Mạnh Đ cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000732 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Mạnh Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ (để thi hành);
- UBND phường Đ (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn